

Số: 06 /2015/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 02 tháng 5 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng  
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 48/TTr-SNV ngày 04 tháng 3 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 2218/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành quy định về công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thành viên Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng TĐKT TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban TĐKT TW, Vụ 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy;
- TTr. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: PVP, CV NC, HCTC;
- Sở Tư pháp;
- Báo Hà Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐTĐKT tỉnh;
- Lưu: VT, TĐKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đàm Văn Bông**

**QUY ĐỊNH**

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Giang  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06 /2015/QĐ-UBND  
ngày 22 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Hà Giang)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Nội dung, hình thức tổ chức các phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền xét, quyết định, trao tặng khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Các nội dung khác về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân trong các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, nghề nghiệp; các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; nhân dân trong tỉnh; tổ chức nước ngoài và người nước ngoài đang cư trú, sinh sống trên địa bàn tỉnh, tham gia và có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong các phong trào thi đua của tỉnh.

2. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài không đóng chân trên địa bàn tỉnh nhưng có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, trật tự xã hội của tỉnh được khen thưởng theo Quy định này.

**Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP), Điều 2 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP), Điều 1 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm

2014 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BNV) và theo các nguyên tắc sau:

1. Khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề phải có Chương trình, kế hoạch thi đua và đăng ký các hình thức khen thưởng ngay từ khi bắt đầu tổ chức triển khai thực hiện. Cấp nào phát động thi đua thì xét khen bằng hình thức khen thưởng của cấp đó.

2. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

#### **Điều 4. Lập, quản lý, sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng**

1. Nguồn và mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng: Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 71/2011/TT-BTC).

#### **2. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng**

Hàng năm, căn cứ tình hình quyết toán công tác thi đua, khen thưởng năm trước và kế hoạch dự toán ngân sách năm tiếp theo, Sở Tài chính tham mưu phân bổ kinh phí thi đua, khen thưởng cho các cấp và các đơn vị theo quy định.

a) Ban Thi đua, khen thưởng quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

b) Cơ quan Văn phòng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể.

c) Phòng Nội vụ các huyện, thành phố quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện, thành phố.

d) Văn phòng UBND các xã, phường, thị trấn quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng của xã, phường, thị trấn.

#### **3. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 71/2011/TT-BTC.

#### **4. Mức tiền thưởng**

Thực hiện theo quy định tại các Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74, Điều 75 và Điều 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Mức tiền thưởng được nhân với hệ số mức lương cơ sở và làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam; số tiền thưởng được ghi cụ thể trong Quyết định khen thưởng.

## Chương II

# TỔ CHỨC PHÁT ĐỘNG THI ĐUA, ĐĂNG KÝ THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

### **Điều 5. Hình thức tổ chức phong trào thi đua**

Phong trào thi đua được tổ chức theo 02 hình thức: Thi đua thường xuyên và thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt), quy định tại Điều 2 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Việc xác định hình thức tổ chức phát động phong trào thi đua phải phù hợp với đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua.

Trường hợp thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi tỉnh, ngành, đơn vị, khi tiến hành sơ, tổng kết, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề phạm vi trong toàn tỉnh có thời gian từ 03 năm trở lên, Ban Thi đua khen thưởng tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức phát động và gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

Trường hợp thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi cả nước, khi sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên, đơn vị chủ trì phát động thi đua xem xét lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; từ 5 năm trở lên lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để đề nghị Chủ tịch nước xét tặng “Huân chương Lao động” hạng ba hoặc “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng ba.

### **Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua**

1. Thủ trưởng các cấp, các ngành, các cơ quan đơn vị; trưởng các khối giao ước thi đua phát động phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ thực hiện, xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua để đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách; đảm bảo tính hệ thống, khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua; phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của đối tượng tham gia thi đua; đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua; không phô trương, hình thức trong tổ chức phát động thi đua.

3. Xây dựng và triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và kịp thời phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhân tố mới, những cách làm hay, những giải pháp thực hiện có hiệu quả trong các đối tượng tham gia thi đua.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua:

a) Đối với thi đua dài ngày, phải tổ chức sơ kết để rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp thực hiện nhằm đạt được mục tiêu thi đua đã đề ra.

b) Kết thúc phong trào thi đua phải tiến hành tổng kết để đánh giá kết quả, hiệu quả đạt được của phong trào. Đồng thời lựa chọn bình xét khen thưởng công khai nhằm biểu dương, nêu gương những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

### **Điều 7. Thời gian, nội dung đăng ký thi đua**

1. Thời gian đăng ký thi đua.

Ngay từ đầu năm, Thủ trưởng các cấp, các ngành, các cơ quan đơn vị, trưởng các khối giao ước thi đua phải tổ chức phát động thi đua, ký kết giao ước thi đua giữa các cá nhân, tập thể trong đơn vị, giữa các đơn vị trong khối và phải gửi bản đăng ký thi đua với cơ quan quản lý cấp trên (qua cơ quan làm công tác Thi đua, khen thưởng cấp đó). Kết thúc năm, tiến hành đánh giá tổng kết phong trào thi đua, bình xét các danh hiệu thi đua và chỉ bình xét cho những trường hợp có đăng ký thi đua.

2. Nội dung đăng ký thi đua bao gồm:

a) Tên phong trào thi đua, thời gian thực hiện.

b) Nội dung mục tiêu, chỉ tiêu thi đua chủ yếu.

c) Số lượng, danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phấn đấu đạt được.

### **Điều 8. Các danh hiệu thi đua**

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể: Tập thể lao động tiên tiến; Tập thể Lao động xuất sắc; Cờ thi đua của UBND tỉnh; Cờ thi đua của Chính phủ.

3. Danh hiệu thi đua đối với thôn, tổ dân phố và tương đương: thôn, tổ dân phố văn hóa.

4. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

### **Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao.

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội.

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức lối sống lành mạnh, đoàn kết tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

6. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

7. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

#### **Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến”.

b) Trong năm đề nghị xét tặng danh hiệu: Có sáng kiến được Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở quyết định công nhận hoặc là thành viên trực tiếp tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, Bộ, Ngành Trung ương đã được nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong một cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”**

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân liên tục ba năm liền đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Trong thời gian xét khen thưởng: Có sáng kiến được Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh quyết định công nhận hoặc là thành viên trực tiếp tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, Bộ, Ngành Trung ương đã được nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

## **Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

b) Trong thời gian 6 năm xét tặng: Đã có nhiều thành tích xuất sắc, có đề tài sáng kiến đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng rộng trên toàn quốc, được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh đề cử xét danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua toàn quốc”.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng vào năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ hai.

## **Điều 13. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”**

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thời gian hoạt động đủ 12 tháng trong năm; hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao hoặc đề ra.

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và hiệu quả.

3. Có 50% trở lên cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

## **Điều 14. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thời gian hoạt động đủ 12 tháng trong năm; Sáng tạo vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước.

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và hiệu quả.

c) 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân vi phạm bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Đối với tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể; thì các tổ chức đảng, đoàn thể đó phải đạt trong sạch vững mạnh.

2. Đối tượng được công nhận danh hiệu tập thể “Lao động xuất sắc”:

a) Đối với cấp tỉnh: Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các khoa, phòng của các Trường chuyên nghiệp thuộc tỉnh, Trường Chính trị tỉnh (đơn vị không thành lập khoa được xét tặng cho tổ bộ môn).

b) Đối với cấp huyện: Các phòng, ban và tương đương, các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp:

Các tập thể trường thuộc ngành giáo dục (Trường Cao đẳng sư phạm, Trường Trung học phổ thông, Trường Phổ thông Dân tộc nội trú, Trường Trung học cơ sở và tương đương, Trường Tiểu học, Trường Mầm non,...);

Các đơn vị thuộc ngành Y tế (Trung tâm, Chi cục, Bệnh viện) và tập thể khoa, phòng trực thuộc các Bệnh viện cấp 1, cấp 2.

d) Các đơn vị sản xuất kinh doanh: Doanh nghiệp, Hợp tác xã (trừ các tập đoàn kinh tế và tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như: phòng, phân xưởng, xí nghiệp.

### **Điều 15. Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành xuất sắc, toàn diện các nhiệm vụ được giao với chất lượng, hiệu suất công tác cao; tích cực hưởng ứng phong trào thi đua do các cấp phát động, có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và hiệu quả, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; có kết quả chấm điểm thi đua dẫn đầu khối giao ước thi đua của tỉnh, của huyện, thành phố hoặc của ngành.

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các đơn vị khác học tập; nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm; thực hiện chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội có hiệu quả; không có cá nhân hoặc tập thể vi phạm pháp luật.

c) Tích cực tham gia thực hiện tốt các hoạt động từ thiện xã hội ở địa phương.

d) Được khôi giao ước thi đua, Hội đồng Thi đua khen thưởng cơ sở bình chọn, suy tôn là đơn vị có thành tích thi đua tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua hoặc dẫn đầu khối giao ước thi đua (qua kết quả chấm điểm).

đ) Đối với xã, phường, thị trấn được xét và đề nghị tặng Cờ thi đua về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, ngoài đạt các tiêu chuẩn trên, phải là xã, phường, thị trấn tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Số lượng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng hàng năm:

a) Mỗi khối giao ước thi đua của tỉnh (15 khối): 01 Cờ cho đơn vị có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và dẫn đầu khối giao ước thi đua.

b) Mỗi đơn vị cấp huyện thuộc tỉnh: 01 Cờ cho đơn vị dẫn đầu các xã, phường, thị trấn.

c) Các ngành: Y tế, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và xã hội, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nội vụ, mỗi ngành xét và đề nghị tặng 01 Cờ cho đơn vị trực thuộc tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua của ngành.

Công an tỉnh xét và đề nghị tặng 02 Cờ cho xã, phường, thị trấn tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Đối với các trường thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh về điều kiện, tiêu chuẩn và số lượng.

## **Điều 16. Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “thôn, tổ dân phố văn hoá”**

Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “thôn, tổ dân phố văn hoá” được xét tặng hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 29 và Điều 30 của Luật Thi đua khen thưởng năm 2003.

### **Chương III**

## **HÌNH THỨC, ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

### **Điều 17. Các loại hình khen thưởng**

1. Khen thưởng thường xuyên là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ hàng năm, tính theo năm dương lịch; riêng tập thể, cá nhân thuộc các trường của ngành giáo dục tính theo năm học.

2. Khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân được tiến hành khi sơ kết, tổng kết đợt thi đua, hoặc sơ kết, tổng kết theo giai đoạn thực hiện chuyên đề.

3. Khen thưởng đột xuất là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân và của Nhà nước (thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài kế hoạch nhiệm vụ công việc thường xuyên).

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là hình thức khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, có công lao thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân không cư trú trên địa bàn tỉnh nhưng có nhiều thành tích, nhiều công lao đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Hà Giang.

6. Các hình thức khen thưởng khác không quy định trong văn bản này được thực hiện theo Luật Thi đua khen thưởng, Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ cùng các văn bản quy định, quy chế của cấp có thẩm quyền về việc xét khen thưởng các hình thức đó.

### **Điều 18. Nguyên tắc, điều kiện đề nghị xét khen thưởng**

1. Các tập thể: Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, các huyện, thành phố thuộc tỉnh khi đề nghị khen tặng Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian đề nghị xét khen phải có ít nhất 2/3 số đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” hàng năm.

Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng: Huân chương, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ thì tiêu chuẩn Cờ Thi đua, Bằng khen được quy định phải là: Cờ thi đua của UBND tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Khen thưởng quá trình cống hiến: Chỉ xem xét đề nghị khen thưởng cho các cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn khi đã nghỉ hưu hoặc có thông báo nghỉ hưu và đề nghị truy tặng khen thưởng cho cá nhân có thời gian giữ chức vụ được xét khen thưởng đã từ trần; đối với cá nhân nữ khi xét khen được giảm 03 năm so với quy định chung; không căn cứ vào thành tích đã được khen thưởng xuyên đề nghị nâng hạng khen quá trình cống hiến.

3. Trong một năm, ngoài khen thưởng thường xuyên và khen danh hiệu thi đua, mỗi tập thể, cá nhân chỉ được xét tặng một “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” trong khen chuyên đề, khen tổng kết công tác chuyên môn, trừ trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất.

4. Không trình hai hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một đối tượng trong một năm (bao gồm: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân chương, các danh hiệu vinh dự Nhà nước) trừ trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất; không cộng thành tích đã được xét khen thưởng cấp Nhà nước để trình các hình thức khen thưởng cấp tỉnh.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc ngành dọc quản lý về biên chế, quỹ lương (gồm: Liên đoàn Lao động, Thống kê, Hải quan, Thuế, Kho bạc, Ngân hàng, các Doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và lực lượng vũ trang) xem xét khen thưởng, đề nghị cấp trên xét khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo ngành dọc.

Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các đối tượng thuộc cơ quan, đơn vị ngành dọc tham gia các khối giao ước thi đua của tỉnh, tích cực thực hiện phong trào thi đua của tỉnh và có nhiều thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang (theo hướng dẫn hoạt động Khối của Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh).

6. Các ngành: Văn hóa Thể Thao và Du lịch, Giáo dục, Y tế, thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, xét khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định tại văn bản này và tiêu chuẩn theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương (ngành dọc).

7. Đối với lực lượng vũ trang: Chỉ khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) và khen đột xuất. Các hình thức khen thưởng khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương (ngành dọc).

8. Các đối tượng công chức cấp xã kiêm chức danh, chỉ xem xét công nhận danh hiệu thi đua theo chức danh chính.

### **Điều 19. Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ**

1. Tiêu chuẩn được tặng hoặc truy tặng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Quân công”, “Huân chương Lao động” “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” các hạng thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 20; Khoản 1, 4 Điều Điều 21 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và quy định từ Điều 7 đến Điều 20 Nghị định 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 14 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

2. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”, “Huy chương Hữu nghị”, thực hiện theo Điều 21, 22 Nghị định 65/2014/NĐ-CP.

3. Tiêu chuẩn xét tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thực hiện theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 23 Nghị định 65/2014/NĐ-CP.

#### **Điều 20. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh được tặng cho tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đạt các tiêu chuẩn theo quy định của UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh về tổng kết các phong trào thi đua.

b) Tập thể tiêu biểu trong số các tập thể có 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; cá nhân tiêu biểu trong số cá nhân có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở (số lượng trình khen cho cá nhân không quá 10% so với số cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của đơn vị).

c) Tập thể, cá nhân đạt thành tích cao (Nhất, nhì, ba; Huy chương vàng, bạc, đồng và tương đương) trong các kỳ thi, hội thi cấp quốc gia, quốc tế.

d) Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc tiêu biểu, đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân và của Nhà nước.

đ) Tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn và tập thể, cá nhân không cư trú trên địa bàn tỉnh, có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Hà Giang.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích trong công tác xã hội hóa; thành tích giảm nghèo bền vững; thành tích trong phong trào thi đua Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh.

#### **Điều 21. Giấy khen**

1. Giấy khen được tặng cho cá nhân trong phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đoàn kết, giúp đỡ mọi người cùng tiến bộ.

2. Giấy khen được tặng cho tập thể trong phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu thi đua đề ra.

b) Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ, tổ chức tốt phong trào thi đua.

c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Giấy khen được tặng trong khen thưởng thành tích đột xuất:

a) Tập thể hoặc cá nhân lập được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân và của Nhà nước.

b) Tập thể, cá nhân là gương điển hình, mô hình tiên tiến trong thực hiện các phong trào thi đua, được phát hiện và nhân rộng trên địa bàn.

4. Khen thành tích trong công tác xã hội hóa; thành tích thực hiện phong trào thi đua Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; gia đình có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; gia đình tiêu biểu xuất sắc thoát nghèo bền vững thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh.

#### Chương IV

### THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT, QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG KHEN THƯỞNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

#### Điều 22. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định và trao tặng

1. Thẩm quyền xét duyệt khen thưởng:

a) Các hình thức, danh hiệu khen thưởng trình Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh họp xét bao gồm:

- Các hình thức, danh hiệu khen thưởng cấp Nhà nước (hình thức, danh hiệu khen thưởng do Chủ tịch Nước, Thủ tướng Chính phủ quyết định khen hoặc phong tặng).

- Danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”; “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

b) Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến đối với các trường hợp:

- Khen thưởng cho cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Các hình thức khen thưởng: "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập" (các hạng), danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Thầy thuốc nhân dân", "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ nhân nhân dân", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", danh hiệu Anh hùng.

c) Hình thức “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” do Ban Thi đua khen thưởng thẩm định, xét duyệt và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thẩm quyền quyết định, trao tặng các hình thức khen thưởng cấp tỉnh và cơ sở:

a) Giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng và trao tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng và trao tặng hoặc ủy quyền cho cơ quan Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng hoặc thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trao tặng: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”.

c) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp quyết định tặng thưởng và trao tặng danh hiệu thi đua: “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Giấy khen” và “Bằng khen” của các hội, đoàn thể theo hướng dẫn của các hội, đoàn thể Trung ương.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định tặng thưởng và trao tặng danh hiệu “thôn, tổ dân phố văn hóa” cho các thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi đua khen thưởng năm 2003.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định tặng thưởng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến” và “Gia đình văn hóa”.

### **Điều 23. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước**

1. Thực hiện theo quy định tại Mục 2, Chương IV, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng:

a) Tập thể Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và thủ trưởng các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh: 05 bộ (bản chính) đối với Huân chương các loại; 04 bộ (bản chính) đối với Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ.

b) Các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành và tương đương; cán bộ công chức, viên chức và người lao động: 04 bộ (bản chính) đối với Huân chương các loại; 03 bộ (bản chính) đối với Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 24. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh**

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình đề nghị “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” của trưởng khối giao ước thi đua cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hoặc Thủ trưởng các sở, ngành (được đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy định này).

b) Bản báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; đối với các đơn vị trực thuộc sở, ngành, huyện, thành phố phải có xác nhận của Thủ trưởng cấp trên trực tiếp quản lý.

c) Biên bản và kết quả chấm điểm thi đua của khối giao ước thi đua thuộc tỉnh hoặc Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp huyện, thành phố, sở, ngành.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình đề nghị “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp.

b) Bản tóm tắt thành tích trong 3 năm của cá nhân đề nghị khen danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” có xác nhận của Thủ trưởng cấp trình khen;

c) Bản photo một trong các căn cứ điều kiện xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh (quyết định công nhận sáng kiến cấp tỉnh hoặc văn bản nghiệm thu đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp bộ, ngành, trung ương).

d) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trình khen.

3. Hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình đề nghị “Tập thể Lao động xuất sắc” của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp; kèm theo quyết định khen thưởng, công nhận các danh hiệu thi đua cấp cơ sở (thành tích năm đề nghị khen) của đơn vị trình khen.

b) Bản tóm tắt thành tích của tập thể được đề nghị “Tập thể Lao động xuất sắc”, có xác nhận của Thủ trưởng cấp trình khen.

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen.

4. Hồ sơ, thủ tục đề nghị tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”

a) Hồ sơ trình khen phong trào thi đua thường xuyên gồm 01 bộ (bản chính, gồm có:

- Tờ trình đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp.

- Danh sách trích ngang của các đối tượng được đề nghị khen (do cơ quan, đơn vị trình khen lập). Trong đó có tóm tắt thành tích 2 năm liên tục của từng tập thể, cá nhân; ghi rõ số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình khen xác nhận.

- Biên bản xét duyệt của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện, thành phố, sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp.

b) Hồ sơ trình khen thường đột xuất, khen đối ngoại, khen theo chuyên đề gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

- Tờ trình đề nghị của đơn vị quản lý trực tiếp.

- Bản danh sách trích ngang của các đối tượng được đề nghị khen, trong đó tóm tắt thành tích ghi rõ công trạng, thành tích nổi bật để đề nghị khen thưởng (do cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp lập và xác nhận thành tích).

## **Điều 25. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng của cấp cơ sở**

1. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

a) Biên bản xét khen thưởng của đơn vị.

b) Tổng hợp trích ngang, tóm tắt thành tích của các cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị.

2. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

a) Biên bản xét khen thưởng của đơn vị đề nghị.

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, có xác nhận của lãnh đạo trực tiếp quản lý.

c) Bản photo một trong các căn cứ là điều kiện xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

3. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

a) Biên bản xét khen thưởng của đơn vị đề nghị.

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể.

4. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hoá

a) Tờ trình đề nghị của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.

b) Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hoá, có xác nhận của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.

c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp xã, phường, thị trấn.

5. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”

Biên bản xét khen thưởng, suy tôn “Gia đình văn hoá” của thôn, tổ dân phố kèm theo danh sách các hộ được đề nghị công nhận, có xác nhận của đại diện các tổ chức đoàn thể trong thôn, tổ dân phố.

6. Hồ sơ, thủ tục đề nghị “Giấy khen”

a) Văn bản đề nghị khen thưởng của đơn vị trình.

b) Biên bản xét khen thưởng của đơn vị đề nghị khen thưởng.

c) Danh sách trích ngang, tóm tắt thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị tặng “Giấy khen”, có xác nhận của lãnh đạo đơn vị trình khen.

## **Điều 26. Quy trình, thời gian xét thẩm định hồ sơ khen thưởng**

1. Quy trình, thời gian xét khen thưởng đối với thi đua thường xuyên

a) Kết thúc năm, các cơ quan đơn vị tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua thường xuyên, bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Thời gian gửi hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh xét khen thưởng (qua Ban Thi đua khen thưởng thẩm định) trước ngày 31/01 của năm liền kề sau đó; riêng đối tượng thuộc các trường của Ngành giáo dục xét khen theo năm học và gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 31/7 hàng năm.

b) Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng) trình Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh xét khen thưởng tại phiên họp định kỳ hàng năm. Sau khi có thông báo kết luận phiên họp Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh:

- Đối với các hình thức khen cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo kết luận của Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định khen thưởng.

- Đối với các trường hợp đề nghị khen cấp nhà nước:

Văn phòng UBND tỉnh đề nghị UBND tỉnh trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với các trường hợp phải có ý kiến của cấp ủy Đảng.

Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản thông báo kết luận phiên họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác khen thưởng, Văn phòng Tỉnh ủy trích kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh trình xin ý kiến khen thưởng.

Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trích kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các trường hợp được đề nghị khen thưởng, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng (qua Ban Thi đua khen thưởng Trung ương).

Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành tờ trình đề nghị khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thi đua khen thưởng hoàn tất các thủ tục, hồ sơ theo quy định và chuyển nộp hồ sơ về Ban Thi đua khen thưởng Trung ương.

2. Quy trình, thời gian xét khen tổng kết Chương trình thi đua, phong trào thi đua của tỉnh

Thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn thực hiện tổng kết phong trào thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh.

3. Quy trình, thời gian xét khen thưởng đối với thi đua theo chuyên đề

Các cơ quan, đơn vị trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích theo chuyên đề phải có kế hoạch tổ chức tổng kết (được Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt) và gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng qua Ban Thi đua khen thưởng trước 30 ngày so với thời điểm tổ chức Hội nghị.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng) có trách nhiệm thẩm định, xét duyệt và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị của Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định khen thưởng.

Riêng các trường hợp đề nghị khen cấp nhà nước phải thực hiện quy trình xét khen thưởng như đối với thi đua thường xuyên. Ban Thi đua khen thưởng thẩm định hồ sơ và trình Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh xét khen thưởng tại các phiên họp định kỳ hàng quý trong năm.

4. Quy trình, thời gian xét khen đột xuất, đối ngoại

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý lập hồ sơ trình khen cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất gửi về Ban thi đua khen thưởng ngay sau khi xác định thành tích, công trạng của đơn vị, cá nhân.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Ban Thi đua khen thưởng thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng.

### **Điều 27. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng**

Cơ quan làm công tác thi đua khen thưởng của các cấp, các ngành có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng và hồ sơ đề nghị khen thưởng để làm cơ sở cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về công tác lưu trữ.

1. Hồ sơ khen thưởng đưa vào lưu trữ bao gồm:

- a) Quyết định khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp quản lý hồ sơ.
- b) Thông báo kết luận hoặc biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua khen thưởng cùng cấp.
- c) Hồ sơ xét khen thưởng theo quy định về thủ tục hồ sơ xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đưa vào lưu trữ gồm:

- a) Quyết định khen thưởng của cấp trên.
- b) Hồ sơ trình đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định về thủ tục hồ sơ xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
- c) Các văn bản có liên quan (nếu có).

### **Điều 28. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng**

1. Lễ trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được tổ chức kết hợp trong các cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống hoặc Hội nghị tổng kết công tác; sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, phát động phong trào thi đua mới (không tổ chức riêng lễ trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng).

2. Công tác tổ chức lễ trao tặng danh hiệu vinh dự nhà nước, giải thưởng, huân chương, huy chương, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng” được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ về nghi thức tổ chức buổi lễ, đảm bảo trang trọng, tiết kiệm.

3. Người công bố quyết định khen thưởng tại lễ trao tặng và đón nhận danh hiệu, hình thức khen thưởng của nhà nước và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là đại diện cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh hoặc lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Thường trực Ủy ban nhân dân cấp huyện, lãnh đạo doanh nghiệp.

Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở (hoặc cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng) là người công bố quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua cấp cơ sở và Giấy khen.

## Chương V

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 29. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng**

1. Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Ban Thi đua Khen thưởng (Sở Nội vụ) là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn, chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương mình quản lý; chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể cùng cấp để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh. Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề có thời gian từ 03 năm trở lên, đơn vị chủ trì phát động thi đua gửi đăng ký thi đua về Ban Thi đua, khen thưởng tỉnh tổng hợp, theo dõi và hướng dẫn xét khen thưởng.

Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ sở có trách nhiệm tham mưu tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị các cấp trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình, tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Tổ chức giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, kiến nghị bổ sung, sửa đổi những nội dung chưa phù hợp của chính sách khen thưởng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Thi đua, khen thưởng.

#### **Điều 30. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin**

Báo Hà Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh truyền hình các huyện, thành phố và các cơ quan thông tin đại chúng khác trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

1. Thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng, về các phong trào thi đua yêu nước; nêu gương những cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tốt phong trào thi đua trên địa bàn; phát hiện, phản ánh về những gương điển hình tiên tiến lập được thành tích cao trong các phong trào thi đua; tuyên truyền phổ biến những cách làm mới, làm hay trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh. *gt*

2. Tiếp nhận thông tin và kịp thời phản ánh những đơn vị, địa phương chưa (hoặc không) tổ chức phong trào thi đua yêu nước, hoặc tổ chức thi đua không thiết thực, kém hiệu quả; phản ánh việc xét khen thưởng cho các đối tượng không có tác dụng nêu gương hoặc khen thưởng không đúng quy định của pháp luật cũng như những vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng của tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

**Điều 31. Trách nhiệm của Hội đồng TĐKT tỉnh và cơ quan thường trực**

Giao Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ (Ban Thi đua, khen thưởng) có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, doanh nghiệp thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo Quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác về công tác thi đua, khen thưởng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua, khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đàm Văn Bông**